

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 27239
	Giờ: Ngày 19 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000385 ngày 20 tháng 04 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 344.592.930.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2011 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu – Cửa hàng Hữu Liên Á Châu, số 109/2/23 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cửa hàng Hữu Liên Á Châu – Chi nhánh Bình Tân, số 1022 Quốc Lộ 1A, khu phố 3, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí
- Cán kéo kim loại
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng
- Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh bất động sản
- Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hóa, hàng trang trí nội thất
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Phó Chủ tịch
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên
Ông Đoàn Minh Tiến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Hiệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc sản xuất
Ông Phạm Trần Ái Trung	Giám đốc tài chính

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP

Số: 12.122/BCSX-DTL

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2011



**K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



TẶNG QUỐC THĂNG
Chứng chỉ KTV số Đ. 0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.428.091.585.254	1.714.584.515.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	81.390.576.485	88.045.383.862
1. Tiền	111		61.390.576.485	78.045.383.862
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.415.000	17.415.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17.415.000	17.415.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	696.439.144.568	728.219.199.919
1. Phải thu khách hàng	131		673.393.116.734	723.477.531.259
2. Trả trước cho người bán	132		7.762.939.008	6.363.105.539
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		30.480.853.662	3.301.443.936
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(15.197.764.836)	(4.922.880.815)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	626.642.031.898	850.886.575.127
1. Hàng tồn kho	141		628.302.458.319	851.043.947.175
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.660.426.421)	(157.372.048)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.602.417.303	47.415.942.020
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.803.886.205	2.201.564.651
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.494.184.098	45.166.127.369
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.304.347.000	48.250.000

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		384.614.458.491	380.751.858.671
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		226.300.373.141	226.799.024.328
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	95.953.166.975	91.567.918.482
+ Nguyên giá	222		207.487.999.775	190.570.476.660
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.534.832.800)	(99.002.558.178)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.5	18.662.882.958	29.627.883.830
+ Nguyên giá	225		24.956.536.371	36.916.162.942
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.293.653.413)	(7.288.279.112)
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	79.665.854.147	80.659.280.543
+ Nguyên giá	228		87.418.752.023	87.418.752.023
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.752.897.876)	(6.759.471.480)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	32.018.469.061	24.943.941.473
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	133.420.000.000	133.420.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		33.420.000.000	33.420.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.894.085.350	20.532.834.343
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	7.212.917.552	2.920.515.944
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		392.962.470	450.134.210
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	17.288.205.328	17.162.184.189
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.812.706.043.745	2.095.336.374.599

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.309.331.524.174	1.636.955.580.412
I. Nợ ngắn hạn	310		1.284.329.613.146	1.612.047.161.973
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	990.194.403.928	1.294.319.365.816
2. Phải trả người bán	312	5.12	264.970.846.051	298.270.123.342
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	2.784.364.572	6.996.792.883
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	20.112.785.678	4.773.083.008
5. Phải trả người lao động	315		2.250.312.999	-
6. Chi phí phải trả	316	5.14	3.571.031.582	3.815.859.227
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		394.505.395	3.606.016.856
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		51.362.941	265.920.841
II. Nợ dài hạn	330		25.001.911.028	24.908.418.439
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		500.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	18.836.704.404	19.014.524.856
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.665.206.624	5.893.893.583
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		503.374.519.571	458.380.794.187
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16.1	503.374.519.571	458.380.794.187
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		344.592.930.000	328.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.887.786.000	139.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		80.000.000	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(80.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(108.759.038)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.366.176.614	1.446.176.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.527.626.957	(9.956.623.389)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.812.706.043.745	2.095.336.374.599

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		1.010.143,95	1.051.057,00
+ EUR		222,58	838,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH LOAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TUẤN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.041.325.363.864	1.073.301.133.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.948.966.954	121.617.331
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.039.376.396.910	1.073.179.516.032
4. Giá vốn hàng bán	11		1.859.692.710.136	929.146.474.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		179.683.686.774	144.033.041.038
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	8.833.172.722	3.139.657.008
7. Chi phí tài chính	22	6.3	101.359.716.784	78.387.219.803
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		93.466.774.797	38.479.100.792
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	15.775.235.113	5.470.888.678
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	34.864.990.108	25.358.645.123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.516.917.491	37.955.944.442
11. Thu nhập khác	31		129.234.845	637.020.434
12. Chi phí khác	32		135.463.008	501.394.705
13. Lợi nhuận khác	40		(6.228.163)	135.625.729
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.510.689.328	38.091.570.171
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	9.969.267.242	10.302.417.996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	57.171.740	935.345.475
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.484.250.346	26.853.806.700

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH LOAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.510.689.328	38.091.570.171
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		12.741.067.403	13.346.754.229
Các khoản dự phòng	03		11.777.938.394	5.642.315.459
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		377.817.875	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.280.892.609)	(2.848.181.679)
Chi phí lãi vay	06		93.466.774.797	38.479.100.792
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		151.593.395.188	92.711.558.972
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		74.831.890.416	74.041.309.728
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		222.461.678.873	126.193.811.531
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		793.131.558.166	(148.626.256.036)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.301.383.974)	(221.126.430)
Tiền lãi vay đã trả	13		(90.114.905.760)	(39.589.752.556)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(6.417.324.837)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		248.539.477	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(556.762.900)	(3.712.412.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		1.148.294.009.486	94.379.807.645
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.059.039.921)	(13.961.871.112)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		72.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(73.753.080.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	38.289.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.504.374.573	2.554.265.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.281.938.075)	(85.122.396.315)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15.576.788.850	200.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(80.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		485.415.768.092	815.510.217.978
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.613.297.141.592)	(1.017.141.229.387)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.271.417.953)	(5.372.408.202)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(16.053.387.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.115.656.002.603)	(23.056.807.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(6.643.931.192)	(13.799.396.075)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		88.045.383.862	77.825.475.236
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.876.185)	(1.269.146.742)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		81.390.576.485	62.756.932.419

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH LOAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000385 ngày 20 tháng 04 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 344.592.930.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2011 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu – Cửa hàng Hữu Liên Á Châu, số 109/2/23 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cửa hàng Hữu Liên Á Châu – Chi nhánh Bình Tân, số 1022 Quốc Lộ 1A, khu phố 3, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí; Cán kéo kim loại
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng
- Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh bất động sản
- Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hóa, hàng trang trí nội thất
- Đại lý gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến ngày 31/12. Bắt đầu từ năm tài chính 2011, năm tài chính đầu tiên Công ty thay đổi ngày 01/01 đến ngày 30/09. Các năm tài chính tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối giai đoạn tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
+ Tài sản cố định khác	05 - 25 năm
+ Tài sản cố định vô hình	50 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao được áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính năm. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: được trích lập theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	3.204.014.050	10.077.822.243
Tiền gửi ngân hàng	58.186.562.435	67.967.561.619
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	81.390.576.485	88.045.383.862

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	673.393.116.734	723.477.531.259
Trả trước cho người bán	7.762.939.008	6.363.105.539
Các khoản phải thu khác	30.480.853.662	3.301.443.936
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	711.636.909.404	733.142.080.734
Dự phòng phải thu khó đòi	(15.197.764.836)	(4.922.880.815)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	696.439.144.568	728.219.199.919

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty và khoản phải thu với các bên liên quan, trong đó, khoản phải thu với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	-	15.677.431
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	4.709.863.214	23.331.874.648
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	7.038.622.270	172.728.690
Cộng – xem thêm mục 07	11.748.485.484	23.520.280.769

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ứng trước cho nhân viên	767.490.460	1.146.589.319
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	689.426.355
Phải thu khác	913.363.202	1.465.428.262
Ứng trước cho Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên – xem thêm mục 7	28.800.000.000	-
Cộng	30.480.853.662	3.301.443.936

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	25.932.118	-
Nguyên liệu, vật liệu	404.058.838.951	694.568.474.115
Công cụ, dụng cụ	556.304.102	1.894.766.685
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.623.368.222	55.573.904.678
Thành phẩm	87.027.732.157	76.486.965.050
Hàng hóa	73.010.282.769	22.519.836.647
Cộng giá gốc hàng tồn kho	628.302.458.319	851.043.947.175
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.660.426.421)	(157.372.048)
Giá trị thuần có thể thực hiện	626.642.031.898	850.886.575.127

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ là 1.503.054.373 đồng do dự phòng hàng hóa, thành phẩm tồn kho bị giảm giá bán.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay là 272.841.772.769 đồng – xem thêm mục 5.11.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	42.371.352.599	130.062.060.642	13.859.846.315	3.420.252.104	856.965.000	190.570.476.660
Mua trong kỳ	1.890.695.318	3.120.188.512	-	238.460.455	-	5.249.344.285
Tăng từ tài sản thuế tài chính chuyển sang	-	11.959.626.571	-	-	-	11.959.626.571
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.168.000)	(186.279.741)	-	-	(291.447.741)
Số dư cuối kỳ	44.262.047.917	145.036.707.725	13.673.566.574	3.658.712.559	856.965.000	207.487.999.775
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.500.016.588	82.996.805.917	8.332.750.097	1.797.648.085	375.337.491	99.002.558.178
Khấu hao trong kỳ	1.166.955.406	7.090.649.943	890.046.659	178.938.532	31.540.762	9.358.131.302
Tăng từ tài sản thuế tài chính chuyển sang	-	3.384.135.404	-	-	-	3.384.135.404
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.168.000)	(104.824.084)	-	-	(209.992.084)
Số dư cuối kỳ	6.666.971.994	93.366.423.264	9.117.972.672	1.976.586.617	406.878.253	111.534.832.800
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	36.871.336.011	47.065.254.725	5.527.096.218	1.622.604.019	481.627.509	91.567.918.482
Tại ngày cuối kỳ	37.595.075.923	51.670.284.461	4.555.593.902	1.682.125.942	450.086.747	95.953.166.975

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 26.636.785.567 – xem thêm mục 5.15
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 49.934.878.780 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	36.916.162.942
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.959.626.571)
Số dư cuối kỳ	24.956.536.371
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.288.279.112
Khấu hao trong kỳ	2.389.509.705
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.384.135.404)
Số dư cuối kỳ	6.293.653.413
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	29.627.883.830
Tại ngày cuối kỳ	18.662.882.958

Công ty đang thuê máy móc thiết bị sử dụng trong dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài Chính Sacombank.

Theo như điều khoản của những hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Cam kết thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê này được trình bày tại mục số 08 của Thuyết minh này.

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86.015.845.330	1.402.906.693	87.418.752.023
Số dư cuối kỳ	86.015.845.330	1.402.906.693	87.418.752.023
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.732.812.591	26.658.889	6.759.471.480
Khấu hao trong kỳ	946.662.841	46.763.556	993.426.396
Số dư cuối kỳ	7.679.475.431	73.422.445	7.752.897.876
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	79.283.032.739	1.376.247.804	80.659.280.543
Tại ngày cuối kỳ	78.336.369.899	1.329.484.248	79.665.854.147

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 6.602.980.502 đồng – xem thêm mục 5.15.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Quyền sử dụng đất	23.000.000.000	15.000.000.000
Công trình nhà xưởng	7.027.649.000	7.027.649.000
Dịch vụ tư vấn thiết kế	1.768.181.818	1.768.181.818
Phần mềm kế toán Lemon 3	-	1.148.110.655
Khác	222.638.243	-
Tổng cộng	32.018.469.061	24.943.941.473

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	100.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	33.420.000.000	33.420.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	133.420.000.000	133.420.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	133.420.000.000	133.420.000.000

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Địa điểm đăng ký	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	100%	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép, hàng trang trí nội thất

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu	Địa điểm đăng ký	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	30,68%	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng nội thất và các sản phẩm bằng thép
Công ty Cổ phần đầu tư Hữu Liên	50%	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ môi giới, kinh doanh bất động sản

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí dụng cụ sản xuất, phụ tùng thay thế	3.086.911.296	-
Chi phí sửa chữa khác	4.126.006.256	2.920.515.944
Tổng cộng	7.212.917.552	2.920.515.944

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10 Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đặt cọc đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng	12.986.922.089	11.974.470.669
Đặt cọc cho các hợp đồng thuê tài chính	2.389.403.000	2.965.382.600
Khác	1.911.880.239	2.222.330.920
Tổng cộng	17.288.205.328	17.162.184.189

5.11 Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	984.840.118.308	1.283.165.298.968
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả - xem thêm mục 5.15	2.816.349.820	5.225.175.318
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - xem thêm mục 08	2.537.935.800	5.928.891.530
Tổng cộng	990.194.403.928	1.294.319.365.816

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Dư nợ vay	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	145.717.734.883	17,3 – 20 với VNĐ	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	98.456.056.513	19,5 – 22,8 với VNĐ	Hàng tồn kho – xem thêm mục 5.3
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất	71.933.913.162	23,5 với VNĐ	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	25.854.904.130	18 – 20,5 với VNĐ	Hàng tồn kho – xem thêm mục 5.3 và cầm cố TK ngân hàng số 001-044882
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	57.393.000.000	21,5 – 22,5 với VNĐ	Ký quỹ tối thiểu 10% giá trị LC + các lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Maybank	34.486.440.328	23,3 – 23,51 với VNĐ	-
Ngân hàng TMCP Nam Việt	67.825.000.000	22,62 với VNĐ	Hàng tồn kho – xem thêm mục 5.3
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	449.993.765.786	6 – 6,9 với USD & 17,8 – 20,4 với VNĐ	Hàng tồn kho – xem thêm mục 5.3
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	29.911.000.000	19 với VNĐ	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3.268.303.506	7,2 với USD	-
Tổng cộng	984.840.118.308		

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	264.970.846.051	298.270.123.342
Người mua trả tiền trước	2.784.364.572	6.996.792.883
Tổng cộng	267.755.210.623	305.266.916.225

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty và khoản phải trả cho các bên liên quan, trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	1.607.931.976	1.302.210.840
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	402.426.354	-
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	43.903.289.967	-
Cộng – xem thêm mục 07	45.913.648.297	1.302.210.840

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	586.793.621	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8.205.135.751	3.448.069.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.294.280.888	1.325.013.646
Thuế thu nhập cá nhân	26.575.418	-
Tổng cộng	20.112.785.678	4.773.083.008

5.14 Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Lãi vay phải trả	3.351.869.037	3.486.288.227
Khác	219.162.545	329.571.000
Tổng cộng	3.571.031.582	3.815.859.227

5.15 Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	5.947.569.461	6.125.389.913
Nợ thuê tài chính – xem thêm mục 08	12.889.134.943	12.889.134.943
Tổng cộng	18.836.704.404	19.014.524.856

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Vay dài hạn từ ngân hàng bao gồm:

Hợp đồng vay	Dư nợ vay		Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
	Nợ gốc	Nợ đến hạn trả		
KU9100	474.056.000	218.784.000	16,52	Quyền sử dụng đất – xem thêm mục 5.6
KU11232	5.117.763.402	520.456.308	16,52	Nhà cửa vật kiến trúc - xem thêm mục 5.4
KU9115	263.972.254	1.583.091.276	8,05	Máy móc thiết bị - xem thêm mục 5.4
KU11883	44.266.846	268.075.236	7,55	
KU10735	-	130.945.000	6,45	
KU2493/09	47.510.959	94.998.000	21,74	Phương tiện vận tải truyền dẫn – xem thêm mục 5.4
Cộng	<u>5.947.569.461</u>	<u>2.816.349.820</u>	- xem thêm mục 5.11	

5.16 Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	190.000.000.000	75.000.000.000	-	-	(19.053.596.373)	3.446.176.614	24.705.193.884	274.097.774.125
Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000.000
Kết chuyển thặng dư vốn cổ phần và quỹ	38.000.000.000	(36.000.000.000)	-	-	-	(2.000.000.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	21.380.400.122	21.380.400.122
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(52.093.610.000)	(52.093.610.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.948.607.395)	(3.948.607.395)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	18.944.837.335	-	-	18.944.837.335
Số dư đầu năm nay	328.000.000.000	139.000.000.000	-	-	(108.759.038)	1.446.176.614	(9.956.623.389)	458.380.794.187
Tăng vốn trong kỳ	16.592.930.000	1.887.786.000	80.000.000	-	-	(80.000.000)	-	18.480.716.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	26.484.250.346	26.484.250.346
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(80.000.000)	-	-	-	(80.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	108.759.038	-	-	108.759.038
Số dư cuối kỳ	344.592.930.000	140.887.786.000	80.000.000	(80.000.000)	-	1.366.176.614	16.527.626.957	503.374.519.571

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ %
Tổ chức trong nước	18.692.940.000	5,42
Tổ chức nước ngoài	130.460.000	0,04
Cá nhân trong nước	324.964.870.000	94,3
Cá nhân nước ngoài	804.660.000	0,23
Tổng cộng	344.592.930.000	100,00

5.16.3 Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	67.200.000	67.200.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	34.459.293	32.800.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(8.000)	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	34.451.293	32.800.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.291.779.044.868	469.028.381.595
Doanh thu bán thành phẩm	748.602.599.430	603.221.035.607
Doanh thu cung cấp dịch vụ	943.719.566	1.051.716.161
Hàng bán bị trả lại	(1.948.966.954)	(121.617.331)
Doanh thu thuần	2.039.376.396.910	1.073.179.516.032

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	1.635.620.993	2.554.265.197
Cổ tức được chia	1.654.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.543.551.729	578.106.874
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.284.937
Tổng cộng	8.833.172.722	3.139.657.008

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	93.466.774.797	38.479.100.792
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.556.113.156	34.270.511.141
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	377.817.875	-
Chi phí thực hiện các khoản vay	-	3.303.431.175
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	525.440.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.433.570.956	2.334.176.695
Tổng cộng	101.359.716.784	78.387.219.803

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	3.590.954.382	2.055.031.003
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.029.728	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.481.172.628	-
Chi phí bằng tiền khác	5.702.078.375	3.415.857.675
Tổng cộng	15.775.235.113	5.470.888.678

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.877.459.364	6.682.289.590
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.969.541	309.632.923
Chi phí khấu hao	2.744.060.386	2.453.939.714
Thuế, phí và lệ phí	61.775.600	40.018.000
Chi phí dự phòng	10.578.084.678	2.000.971.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.323.430.324	427.675.155
Chi phí bằng tiền khác	12.144.210.215	13.444.118.717
Tổng cộng	34.864.990.108	25.358.645.123

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	36.510.689.328	38.091.570.171
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	5.374.066.602	5.484.799.809
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(2.007.686.959)	(2.366.698.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	39.877.068.971	41.209.671.980
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	9.969.267.242	10.302.417.996
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	9.969.267.242	10.302.417.996

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Trợ cấp mất việc làm	Lỗ do chênh lệch tỷ giá	Trích trước chi phí lãi vay	Chuyển lỗ	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	59.517.038	663.748.249	1.183.349.000	1.906.614.287
Hạch toán là chi phí trong kết quả kinh doanh năm trước	450.134.210	(59.517.038)	(663.748.249)	(1.183.349.000)	(1.456.480.077)
Số dư đầu năm nay	450.134.210	-	-	-	450.134.210
Hạch toán là chi phí trong kết quả kinh doanh trong kỳ	(57.171.740)	-	-	-	(57.171.740)
Số dư cuối kỳ	392.962.470	-	-	-	392.962.470

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 5.2	11.748.485.484	23.520.280.769
Phải thu khác - xem thêm mục 5.2	28.800.000.000	-
Phải trả người bán - xem thêm mục 5.12	45.913.648.297	1.302.210.840

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán thành phẩm	19.069.896.070	45.782.655.513
Bán hàng hóa	54.439.758.867	-
Thu nhập cho thuê	838.009.362	831.646.598
Mua nguyên vật liệu	1.492.783.575	3.028.951.080
Mua hàng hóa	73.782.431.792	-
Chi phí vận chuyển xe đầu kéo	6.121.639.297	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	216.000.000	218.000.000
Lương Ban Giám đốc	1.640.486.530	1.727.597.426
Tổng cộng	1.856.486.530	1.945.597.426

8. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê máy móc thiết bị dùng cho việc sản xuất ống thép với thời gian sử dụng ước tính từ 05 đến 49 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 01 đến 05 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả ngắn hạn	2.537.935.800	5.928.891.530
<i>Từ 1 năm trở xuống – xem mục 5.11</i>	<i>2.537.935.800</i>	<i>5.928.891.530</i>
Phải trả dài hạn	12.889.134.943	12.889.134.943
<i>Trên 1 năm đến 5 năm – xem mục 5.15</i>	<i>12.889.134.943</i>	<i>12.889.134.943</i>
Tổng cộng	15.427.070.743	18.818.026.473

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 07 năm 2011.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH LOAN



TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP